

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 565/TTr-SNNPTNT ngày 30/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Đối với tàu, thuyền đánh cá cập cảng

a) Có công suất dưới 90 CV, mức thu từ 15.000 đồng đến 20.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

b) Có công suất từ 90 CV đến 200 CV, mức thu từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

c) Có công suất trên 200 CV đến 500 CV, mức thu từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

d) Có công suất trên 500 CV đến 1.000 CV, mức thu từ 100.000 đồng đến 130.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

đ) Có công suất trên 1.000 CV, mức thu từ 130.000 đồng đến 160.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

2. Đối với tàu, thuyền vận tải cập cảng

a) Có trọng tải dưới 100 tấn, mức thu từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

b) Có trọng tải từ 100 tấn trở lên, mức thu từ 130.000 đồng đến 160.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

3. Đối với phương tiện đường bộ vào, ra cảng

a) Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng, mức thu từ 2.000 đồng đến 3.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

b) Phương tiện có trọng tải dưới 01 tấn, mức thu từ 10.000 đồng đến 13.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

c) Phương tiện có trọng tải từ 01 tấn đến 2,5 tấn, mức thu từ 15.000 đồng đến 20.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

d) Phương tiện có trọng tải trên 2,5 tấn đến 05 tấn, mức thu từ 25.000 đồng đến 30.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

đ) Phương tiện có trọng tải trên 05 tấn đến 10 tấn, mức thu từ 30.000 đồng đến 40.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

e) Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn, mức thu từ 40.000 đồng đến 50.000 đồng đối với 01 lần vào, ra cảng.

4. Đối với hàng hóa qua cảng

a) Hàng thủy sản, động vật tươi sống, mức thu từ 20.000 đồng đến 25.000 đồng/tấn.

b) Các loại hàng hóa khác, mức thu từ 8.000 đồng đến 10.000 đồng/tấn.

c) Hàng hóa được vận chuyển bằng container, mức thu từ 70.000 đồng đến 90.000 đồng/container.

5. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá quy định tại Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng



Thời gian vào, ra cảng 01 lần đối với các phương tiện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này không quá 24 giờ. Sau thời gian này, các phương tiện vẫn tiếp tục sử dụng cảng cá thì giá dịch vụ sử dụng cảng cá được tính 01 ngày bằng 01 lượt vào, ra cảng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thu tiền giá dịch vụ sử dụng cảng cá quyết định giá cụ thể trong phạm vi khung giá của Quyết định này và niêm yết giá thu cụ thể tại nơi tổ chức thu.

2. Giao cho Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Cục Thuế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có các hoạt động liên quan đến dịch vụ sử dụng cảng cá hướng dẫn, triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2022 và thay thế Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *T. Văn*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ NN& PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế- Bộ NN& PTNT
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, Phòng: KT, NC, TH;
- Lưu: VT, SNNPTNT, tvhung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân

